VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2018/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 785 hoạt chất với 1682 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 617 hoạt chất với 1280 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 234 hoạt chất với 713 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 9 hoạt chất với 27 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hòa sinh trưởng: 52 hoạt chất với 141 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 9 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ ốc: 30 hoạt chất với 150 tên thương phẩm.

- Chất hỗ trợ (chất trải): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 14 hoạt chất với 23 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 4 hoạt chất với 10 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ bệnh: 2 hoạt chất với 2 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

- Thuốc điều hòa sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 11 hoạt chất với 14 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 10 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam và bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

- Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.

- Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.

- Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất.

b) Bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam vào Phụ lục 02 Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT).

- Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 2 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 được ban hành kèm Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT và mục 2, Phụ lục II được ban hành kèm Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam;

b) Thông tư số 06/2017/TT-BNNPTNT ngày 08/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam;

c) Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Abamectin	Ababetter 1.8EC, 3.6EC, 5EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/chè **3.6EC:** nhện đỏ/quýt, bọ trĩ/dưa hấu, rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa **5EC:** nhện đỏ/quýt; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Abafax 1.8EC, 3.6EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Abagold 38EC, 55EC, 65EC	**38EC:** Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **55EC:** nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá/lúa **65EC:** Nhện gié/lúa, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

		Abagro 1.8EC, 4.0EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **4.0EC:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cà chua; bọ trĩ/chè; sâu tơ/cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
		Abakill 1.8EC, 3.6EC, 10WP	**1.8EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa; bọ trĩ/xoài **3.6EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa/cam **10WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng
		Abamec-MQ 20EC, 50EC	**20EC:** Sâu cuốn lá/lúa **50EC:** Sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Abamine 1.8EC, 3.6EC, 5WG, 5.4EC	**1.8EC:** sâu xanh/bắp cải, dòi đục lá/cà chua, sâu vẽ bùa/cam, nhện gié/lúa **3.6EC:** sâu tơ/bắp cải, nhện đỏ/cam, sâu xanh/đậu tương, bọ trĩ/dưa hấu, sâu đục ngọn/điều; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ xít muỗi/điều **5WG:** sâu tơ/bắp cải; nhện gié/lúa **5.4EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Aba-navi 4.0EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Abapro 1.8EC, 5.8EC	**1.8EC:** bọ trĩ/chè, nhện đỏ/cây có múi, sâu tơ/bắp cải **5.8EC:** rầy xanh/chè, sâu cuốn lá/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Abasuper 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC	**1.8EC, 3.6EC, 5.55EC:** sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài **5.55EC:** nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Phú Nông

		Aba thai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC, 6.5EC	**1.8EC:** bọ trĩ/xoài, sâu cuốn lá/lúa **3.6EC:** nhện/cam; bọ trĩ/xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **5.4EC:** sâu vẽ bùa/cam, nhện/xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **6.5EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ phấn/lúa; nhện đỏ/xoài; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Abatimec 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/đậu tương **3.6EC:** bọ trĩ/dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **5.4EC:** sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Abatin 1.8EC, 5.4EC	**1.8EC:** sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh/dưa chuột; sâu vẽ bùa/cam **5.4EC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh ăn lá/dưa chuột; dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Map Pacific PTE Ltd
		Abatox 1.8EC, 3.6EC	**1.8EC:** bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè **3.6EC:** bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội

		Abavec super 5.5EC, 7.5EC	**5.5EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; rầy bông/xoài **7.5EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Abekal 3.6EC, 5.0EC	**3.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Abinsec 1.8EC	Sâu cuốn lá/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Abvertin 3.6EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Aceny 1.8EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.5EC	**1.8EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu **3.6EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam **4.2EC, 5.5EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Acimetin 1.8EC, 3.6EC, 5EC, 5.6EC, 6.5EC, 8EC, 100WG	**1.8EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu **3.6EC:** bọ trĩ, nhện gié/lúa, rệp muội/cam, rầy bông/xoài **5EC:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/chè **5.6EC, 8EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/nhãn **6.5EC:** nhện đỏ/vải **100WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Agbamex 3.6EC, 5EC, 6.5EC	**3.6EC, 5EC:** sâu tơ, sâu xanh/rau họ thập tự; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa **6.5EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Agromectin 1.8EC, 5.0WG, 6.0EC	**1.8EC:** nhện gié/lúa, sâu xanh bướm trắng/bắp cải, sâu tơ/súp lơ, bọ nhảy/cải thảo, sâu xanh/cải xanh, bọ trĩ/nho, nhện đỏ/cam, sâu xanh da láng/hành **5.0WG, 6.0EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc

		Agrovertin 50EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Akka 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 22.2WP	**1.8EC, 3.6EC:** sâu xanh/cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; sâu tơ/cải bắp; bọ trĩ/dưa hấu **5.5EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu **22.2WP:** sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.
		Alfatin 1.8EC, 6.5EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **6.5EC:** sâu đục quả/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Alibaba 1.8EC, 3.6EC, 4.5EC, 6.0EC	**1.8EC, 6.0EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc **3.6EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc **4.5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Amazin's 3.6EC, 5.5EC	**3.6EC:** Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **5.5EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty CP Lion Agrevo
		Amectinaic 18EC, 36EC, 45EC	Rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		AMETINannong 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 5.55EC, 10WP, 18WP	**1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu **5.5EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/cải bắp; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông

			5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua, đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu	
		Anb40 Super 1.8EC, 3.6EC, 6.0EC, 18WP, 22.2WP	**1.8EC, 3.6EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu **6.0EC, 18WP, 22.2WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Andomec 1.8EC, 3.6EC, 5EC, 5WP, 9.0EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh/rau cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; sâu đục ngọn/điều **3.6EC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **5EC:** sâu đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải, rầy bông/xoài; nhện lông nhung/nhãn **5WP:** sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/rau cải, rệp sáp/cà phê **9.0EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ankamec 1.8EC, 3.6EC, 4EC, 4.5EC	**1.8EC:** nhện gié/lúa **3.6EC, 4EC, 4.5EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Aremec 18EC, 36EC, 45EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; dòi đục lá/đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/vải; rệp, sâu khoang/thuốc lá; rầy	Cali - Parimex Inc.

			bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều	
		Azimex 20EC, 40EC	**20EC, 40EC:** sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi/lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ, bọ trĩ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê **40EC:** sâu khoang, sâu xanh/lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		B40 Super 2.0EC, 3.6EC, 5.5EC	**2.0EC, 3.6EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; sâu xanh/đậu xanh; nhện đỏ/cam **5.5EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu xanh/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Bamectin 5.55EC, 22.2WG	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
		Binhtox 1.8EC, 3.8EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/rau cải; dòi đục lá/cà chua; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/lạc, thuốc lá, bông vải **3.8EC:** nhện đỏ/cam; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; rầy/bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Brightin 1.8EC, 4.0EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cây có múi, nhện lông nhung/nhãn **4.0EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

		Bm Abamatex 1.8EC	Sâu cuốn lá/lúa	Behn Meyer Agcare LLP
		Bnongduyen 2.0EC, 4.0EC, 75EC, 100EC	**2.0EC, 4.0EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu tơ/bắp cải **75EC:** nhện gié/lúa **100EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP SAM
		Boama 2.0EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
		BP Dy Gan 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài **3.6EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài **5.4EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Carbamec 50EC, 50WP, 75EC, 100EC, 100WP, 150WP	Bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Car pro 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	**1.8EC:** sâu xanh da láng/đậu tương; nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu **3.6EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cải xanh; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP Bốn Đúng

			5.4EC: sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam	
		Catcher 2EC	Nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; dòi đục lá/rau bó xôi	Sinon Corporation, Taiwan
		Catex 1.8EC, 3.6EC, 100WG	**1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; nhện lông nhung/vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/cam, quýt; bọ trĩ/dưa chuột; sâu đục quả/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chitin 2EC, 3.6EC	**2EC:** sâu cuốn lá/lúa **3.6EC**: nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Đầu trâu Merci 1.8EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Daphamec 3.6EC, 5.0EC	**3.6EC:** Sâu xanh/cải xanh, bọ trĩ/dưa hấu **5.0EC:** Rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Dibamec 1.8EC, 3.6EC, 5WG	Sâu đục cành/điều; rệp sáp/cà phê; sâu khoang, sâu xanh/thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/chè; rầy bông /xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; bọ xít/vải, nhãn; bọ trĩ/dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DT Aba 50EC, 60.5EC	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa, rầy xanh/chè **60.5EC:** Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành

		Fanty 2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 5.6EC, 6.2EC	**2EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; rầy chổng cánh, nhện đỏ/cam **3.6EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu **4.2EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè **5.0EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam **5.6EC, 6.2EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Haihamec 1.8EC, 3.6EC	Bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rệp sáp/hồ tiêu; bọ trĩ/điều	Công ty TNHH SX TM Hải Hằng
		Hifi 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **3.6EC, 5.4EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Honest 1.8EC, 54EC	**1.8EC:** bọ trĩ/dưa hấu, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **54EC:** sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Hóc Môn
		Invert 1.8EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Javitin 18EC, 36EC, 55EC, 65EC, 100WP	**18EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ xít, sâu phao/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; rệp sáp/cà phê **36EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

			55EC: nhện gié/lúa **65EC:** sâu cuốn lá/lúa **100WP:** sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	
		Jianontin 2EC, 3.6EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Longphaba 1.8EC, 3.6EC, 5EC; 88SC	**1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **5EC:** rầy nâu/lúa; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu; rầy bông/xoài **88SC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Limectin 4.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Mahal 3.6EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Megamectin 20EC, 40EC, 56EC, 126WG	**20EC:** Sâu đục quả/vải **40EC:** Bọ cánh tơ/chè **56EC:** Sâu cuốn lá/lúa **126WG:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Melia 0.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 4.5EC, 5WP, 5.5WP	**0.2EC:** sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu vẽ bùa/bưởi **3.6EC, 4.2EC, 5WP:** sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải **4.5EC, 5.5WP:** sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rầy xanh, nhện đỏ/chè; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		Miktin 3.6EC	Bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/lúa; bọ xít, sâu đục quả/vải; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu xanh/cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rầy bông/xoài	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Nafat 3.6EC, 5.0EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Nas 9.9EC, 36EC, 60EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Newsodant 2EC, 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC	**2EC, 4EC, 4.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải **5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Nimbus 1.8EC, 6.0EC	**1.8EC:** sâu khoang/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; sâu đục quả/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/cam; sâu đục quả/vải **6.0EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; sâu đục quả/vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
		Nockout 1.8EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Novimec 1.8EC, 3.6EC, 7.2EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá, đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông, bọ trĩ/xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè	Công ty CP Nông Việt

			3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **7.2EC:** sâu cuốn lá/lúa	
		Nouvo 3.6EC	Bọ cánh tơ/chè, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Nông dược HAI
		NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	**2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh/lạc, thuốc lá; dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/cam **6.0EC:** Sâu cuốn lá/lúa **6.6EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Obamausa 36EC, 50EC, 55EC, 65EC, 72EC	**36EC, 55EC, 65EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **50EC, 72EC:** sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Oxatin 1.8EC, 3.6EC, 6.5EC	**1.8EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải **3.6EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ cánh tơ/chè **6.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Parma 3.6EC, 5.4EC, 7.5EC	**3.6EC, 5.4EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/lúa **7.5EC**: bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Phesoltin 5.5EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Phi ưng 4.0EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh

		Phumai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	Sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/chè; sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương
		Plutel 0.9EC, 1.8EC, 3.6EC, 5EC	**0.9EC:** sâu tơ/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam **1.8EC, 3.6EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; bọ xít/vải; rệp sáp/cà phê; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ/cam; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội, sâu khoang/bắp cải; sâu khoang/lạc; bọ xít muỗi/điều; rệp muội/na, nhãn; rầy/xoài; sâu đo, sâu xanh/hoa hồng; bọ trĩ/dưa hấu, nho; sâu xanh/cà chua **5EC:** rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; bọ xít muỗi/điều; bọ xít/vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy/xoài; rệp muội/nhãn; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/cà chua	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Queson 0.9EC, 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC	Sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Reasgant 1.8EC, 2WG, 3.6EC, 5EC, 5WG	**1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đo, rệp muội/vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/điều; nhện đỏ, sâu xanh/hoa hồng; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/cà chua; bọ	Công ty TNHH Việt Thắng

			trĩ/dưa hấu, nho; rầy/xoài; sâu khoang lạc; nhện đỏ/sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/hồ tiêu; sâu róm/thông **2WG, 5WG:** sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam; bọ xít/vải, nhãn; bọ cánh tơ/chè; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu róm/thông; bọ trĩ/dưa chuột **3.6EC:** Sâu tơ/súp lơ, nhện/cà pháo; bọ nhảy/cải thảo, rau cải; nhện/cà tím; sâu khoang/mồng tơi; sâu tơ/su hào; sâu xanh da láng/hành **5EC:** rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu xanh, sâu tơ, rệp muội, sâu khoang/bắp cải; bọ xít muỗi, sâu ăn lá/điều; bọ xít/vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy/xoài; rệp muội/nhãn; bọ trĩ/dưa hấu, nho; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/sắn dây; sâu róm/thông	
		Redsuper 4.5ME, 5WG, 20WG, 30EC, 39EC, 60EC	**4.5ME:** Bọ trĩ/lúa **5WG, 20WG:** Sâu cuốn lá/lúa **30EC, 39EC:** Sâu đục bẹ/lúa **60EC:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Sauaba 3.6EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ xít muỗi/chè, sâu vẽ bùa/cam, nhện/quýt	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Sau tiu 3.6EC	Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; dưa hấu/bọ trĩ	Công ty CP TST Cần Thơ
		Shertin 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC	**1.8EC:** sâu tơ/bắp cải **3.6EC, 5.0EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang/bắp cải; bọ	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			Trĩ/nho, dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rệp muội/cam, vải; nhện lông nhung/vải	
		Sieusher 1.8EC, 3.6EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Silsau 1.8EC, 3.6EC, 4EC, 4.3EC, 4.5EC, 4.7EC, 5EC, 5.3EC, 5.5EC, 6EC, 6.5EC, 8EC, 10WP	**1.8EC, 3.6EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc,đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/cà chua, ớt, cam **4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc **4.3EC, 4.7EC, 5.3EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải **6.5EC:** Nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/lạc **10WP:** nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc,đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/cà chua, ớt, cam	Công ty TNHH ADC
		Sittomectin 5.0EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh/bắp cải; sâu tơ/cải xanh; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Tập Kỳ 1.8EC, 3.6EC	**1.8EC:** Sâu tơ/bắp cải **3.6EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Viện Di truyền Nông nghiệp
		Tigibamec 6.0EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

		Tiger five 5EC, 6.5EC	**5EC:** sâu cuốn lá/lúa **6.5EC:** sâu xanh da láng/hành, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH P-H
		Tikabamec 1.8EC, 3.6EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Tineromec 1.8EC, 3.6EC, 4.2EC, 70WG	**1.8EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ trĩ/điều **3.6EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, rệp/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ trĩ/điều **4.2EC:** bọ trĩ/lúa, rầy bông/xoài **70WG:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Tungatin 1.8EC, 3.6EC, 10EC	**1.8EC:** bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, bọ xít dài, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/cam **3.6EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá cà chua; nhện đỏ/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả đậu tương; sâu vẽ bùa/cây có múi; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			Sáp, mọt đục cành/cà phê; rệp sáp/hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân điều **10EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	
		Tervigo® 020SC	Tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vibamec 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC	**1.8EC:** dòi đục lá/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh/đậu tương; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam **3.6EC:** sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu **5.55EC:** bọ trĩ/dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa, Nhện đỏ/cam; rầy nâu, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu xanh/cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voi thai 2EC, 2.6EC, 3.6EC, 4EC, 4.7EC, 5.5EC, 5.8EC, 6.2EC, 25WP	**2EC, 3.6EC, 4EC, 5.5EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **2.6EC, 4.7EC, 25WP:** sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; sâu xanh/lạc, thuốc lá; dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; bọ trĩ/dưa hấu **5.8EC:** nhện đỏ/cam; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

			6.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	
		Voiduc 42EC, 58EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC, 10 WP, 18WP	**1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu **5.55EC, 10WP, 18WP:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua, đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical
		Yomikendo 20WG, 38EC, 5.5ME	**20WG, 5.5ME:** Sâu cuốn lá/lúa **38EC:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
2	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 4EC	Rệp, bọ trĩ/bông vải; rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
3	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Safari 250EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
4	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l), (7g/l), (25g/l), (36g/l) + Alpha-cypermethrin 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (43g/l), (50g/l) (54g/l)	Shepatin 18EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC, 90EC	**18EC, 36EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; sâu khoang, rệp/thuốc lá; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều **50EC (48.5g/l + 1.5g/l):** sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/đậu xanh **50EC (7g/l + 43g/l):** bọ trĩ, bọ xít, sâu cuốn lá **75EC, 90EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **90EC:** sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

5	Abamectin 9g/l (18g/l) + Alpha-cypermethrin 16g/l (32g/l)	Siutox 25EC, 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118EC, 136EC	**118EC:** sâu cuốn lá/lúa **136EC:** nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH - TM Nông Phát
7	Abamectin 25g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 475g/l	Fultoc super 550EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Sacophos 550EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
8	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu trạch, vải; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
9	Abamectin 35g/l (54g/l) + Azadirachtin 1g/l (1g/l)	Agassi 36EC, 55EC	**36EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu tơ/cải xanh; bọ xít, sâu đục quả/vải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa chuột; sâu đục quả/đậu đũa **55EC:** bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ/bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/vải; sâu đục quả/xoài; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
10	Abamectin 10g/l + Azadirachtin 26g/l	Fimex 36EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA

11	Abamectin 35.8g/l (41.8g/l), (49.8g/l), (59.9g/l), (69g/kg), (99.9g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.2g/l, (0.2g/l), (0.1g/l), (1g/kg), (0.1g/kg)	Goldmectin 36EC, 42EC, 50EC, 60SC, 70SG, 100SG	**36EC, 42EC, 50EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; rệp/ngô; sâu khoang/thuốc lá; sâu vẽ bùa/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/điều; rệp sáp/hồ tiêu **60SC, 70SG, 100SG:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
12	Abamectin 3.5g/l (36g/l) + Azadirachtin 0.1g/l (1g/l)	Mectinsuper 3.6EC, 37EC	Sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu vẽ bùa/bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
13	Abamectin 37g/l + Azadirachtin 3g/l	Vinup 40EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH US.Chemical
14	Abamectin 6g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
15	Abamectin 0.1% (1.7%), (3.5%) + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 1.9% (0.1%), (0.1%)	Kuraba WP, 1.8EC, 3.6EC	**WP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu đo, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; sâu đục thân/ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/vải; nhện đỏ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/cây có múi; sâu xanh/bông vải; sâu róm thông **1.8EC, 3.6EC:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; nhện lông nhung/vải; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
16	Abamectin 9g/kg + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 11g/kg	ABT 2 WP	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/vải; nhện đỏ/chè; bọ trĩ/thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông Sinh

17	Abamectin 1g/kg + *Bacillus thuringiensis* var.kurstaki 19g/kg	Akido 20WP	Sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải, sâu vẽ bùa/bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
18	Abamectin 2g/kg (35.5g/l), (53g/l) + *Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 18g/kg (0.5g/l), (1g/l)	Atimecusa 20WP, 36EC, 54EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
19	Abamectin 1.8g/kg + *Bacillus thuringiensis* 20g/kg (10^{10}bt/g)	Tridan 21.8WP	Sâu vẽ bùa/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; ruồi đục quả/xoài; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
20	Abamectin 0.2 % (30g/l) + Beta-cypermethrin 0.8% (15g/l)	Smash 1EC, 45EC	**1EC:** sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa **45EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
21	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l) (25g/l), (36g/l) + Chlorfluazuron 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (50g/l), (54g/l)	Confitin 18EC, 36EC, 50EC, 75EC, 90EC	**18EC, 36EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông; bọ trĩ/điều **50EC, 75EC, 90EC:** Sâu xanh/đậu xanh; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, rầy xanh/chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức

22	Abamectin 18g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam targo® 063SC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
23	Abamectin 10g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Glan 130EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
24	Abamectin 1.5% + Chlorpyrifos Ethyl 48.5%	Acek 50EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
25	Abamectin 40g/l + Chlorpyrifos Ethyl 150g/l	Cây búa vàng 190EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
26	Abamectin 9g/l + Chlorpyrifos Ethyl 241g/l	Monifos 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
27	Abamectin 10g/l + Chlorpyrifos Ethyl 545g/l	Paragon 555EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
28	Abamectin 0.9% + Chlorpyrifos Ethyl 24.1%	Phesoltinfos 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
29	Abamectin 2g/l + Chlorpyrifos Ethyl 148g/l	Vibafos 15EC	Sâu xanh da láng/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
30	Abamectin 20g/l + Chlorpyrifos Ethyl 265g/l + Fenobucarb 265g/l	Furacarb 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
31	Abamectin 25g/l (36g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l (568g/l), (605g/l) + Lambda-cyhalothrin 25g/l (64g/l), (70g/l)	Cotoc 555EC, 668EC, 700EC	**555EC:** sâu cuốn lá/lúa **668EC:** rệp sáp/cà phê **700EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

32	Abamectin 25g/l + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l + Lambda-cyhalothrin	Rotoc 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
33	Abamectin 15g/l (25g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (505g/l), (610g/l) + Lambda-cyhalothrin 18g/l (25g/l), (65g/l)	Sixtoc 333EC, 555EC, 700EC	**333EC:** Sâu cuốn lá/lúa **555EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp giả/cà phê, sâu đục quả/đậu tương **700EC:** Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
34	Abamectin 18g/l + Cypermethrin 132g/l	Nongtac 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
35	Abamectin 2g/l (60g/l) + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 243g/l (3g/l)	Song Mã 24.5EC, 63EC	**24.5EC:** sâu tơ/rau cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **63EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
36	Abamectin 15g/l (5g/l), (55g/l), (5g/l), (75g/l), (100g/kg), (100g/kg) + Deltamethrin 15g/l (105g/l), (75g/l), (140g/l), (100g/l), (165g/l), (150g/kg), (50g/kg), (50g/kg) + Fipronil 45g/l (120g/l), (120g/l), (143g/l), (145g/l), (618g/kg), (600g/kg)	Thiocron 75EC, 230SC, 250EC, 288SC, 320EC, 768WG, 810WG	**75EC, 320EC, 810WG:** sâu cuốn lá/lúa **230SC, 288SC:** nhện gié/lúa **250EC, 768WG:** Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
37	Abamectin 8.45% + Emamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

38	Abamectin 18g/l, (64g/l), (7.2%), (25g/kg) + 10g/l, (1g/l), (4.0%), (50g/kg) Emamectin benzoate	Acprodi 28EC, 65EC, 11.2WP; 75WG	**28EC:** sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **65EC:** nhện đỏ/vải **11.2WP:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **75WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
39	Abamectin 30g/l (36g/l), (36g/kg) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/kg)	B52duc 40EC, 56EC, 56SG, 68WG, 80WG	**40EC, 56EC, 80WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **56SG:** Sâu cuốn lá, rây nâu/lúa **68WG:** Sâu cuốn lá/lúa; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
40	Abamectin 18g/l (49g/kg), (1g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (1g/kg), (60g/kg), (125g/kg)	Divasusa 21EC, 50WP, 61WG, 126WG	**21EC:** bọ trĩ/lúa **21EC, 50WP:** bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **61WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
41	Abamectin 22g/l (40g/kg), (40g/l), (50g/kg) + Emamectin benzoate 55g/l (80g/kg), (80g/l), (100g/kg)	Dofama 77EC, 120WG, 120EC, 150WG	**77EC, 120WG:** sâu cuốn lá/lúa **120EC, 150WG:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
42	Abamectin 30g/l (45g/kg), (38g/kg), (45g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (41g/kg), (70g/kg), (90g/kg)	Footsure 55EC, 86WG, 108WG , 135WG	**55EC:** Sâu khoang/lạc **86WG, 108WG, 135WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
43	Abamectin 0.2g/l (0.5g/l), (15g/l), (30g/kg), (0.5g/kg), (27.5g/l), (35g/kg), (35g/l), (100g/kg), (100g/kg), (70g/l) + Emamectin	Emalusa 10.2EC, 20.5EC, 35EC, 60SG, 50.5SG, 55EC, 70SG, 75EC,	**10.2EC, 20.5EC, 50.5SG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

	benzoate 10g/l (20g/l), (20g/l), (30g/kg), (50g/kg), 27.5g/l (35g/kg), (40g/l), (50g/kg), (82g/kg), (30g/l)	150SG, 182SG, 100EC	**35EC:** bọ trĩ/chè **55EC:** rệp bông/xoài **60SG:** nhện đỏ/cam **70SG:** sâu tơ/bắp cải **75EC**: bọ cánh tơ/chè **100EC:** bọ trĩ/lúa **150SG:** sâu đục thân/lúa **182SG:** sâu cuốn lá/lúa	
44	Abamectin 30g/l+ 20g/l Emamectin benzoate	Uni-duapack 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
45	Abamectin 18g/l (38g/l), (78g/kg), (106g/kg) + Emamectin benzoate 2g/l (2g/l), (38g/kg), (20g/kg)	Unimectin 20EC, 40EC, 116WG, 126WG	**20EC:** bọ trĩ/lúa **40EC, 116WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
46	Abamectin 20g/l (47g/l), (40g/l), (55g/l), (47g/l) + Emamectin benzoate 20g/l (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/l)	Voi tuyệt vời 40EC, 57EC, 60EC, 65EC, 67EC	**40EC, 57EC, 65EC, 67EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **60EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH TM Nông Phát
47	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Emamectin benzoate 1g/l (1.5g/l)	Sieufatoc 36EC, 50EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
48	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Emamectin benzoate 0.2g/l(0.2g/l), (0.2g/l)	Sitto Password 36.2EC, 42.2EC, 54.2EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/dưa hấu; rầy xanh/chè; sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)

49	Abamectin 37g/l (55g/l), (1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	Newmexone 38EC, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	**38EC:** Sâu phao/lúa **56EC:** Sâu đục thân/lúa **61WG, 80WG, 126WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
50	Abamectin 2% + Emamectin benzoate 1%	Hải cẩu 3.0EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
51	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Futai
52	Abamectin 3% (60g/l) + Emamectin benzoate 2% (10g/l)	Jia-mixper 5EC, 70EC	**5EC:** sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa **70EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
53	Abamectin 33g/l (43g/l), (53g/l), (60g/l) + Emamectin benzoate 5g/l (5g/l), (5g/l), (5g/l)	S-H Thôn Trang 3.8EC, 4.8EC, 5.8EC, 6.5EC	**3.8EC, 4.8EC, 5.8EC:** sâu cuốn lá/lúa **6.5EC:** sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
54	Abamectin 18g/l (18g/l), (33g/l) + Emamectin benzoate 2g/l, (9.5g/l), (2g/l)	TC-Năm Sao 20EC, 27.5EC, 35EC	**20EC, 35EC:** bọ cánh tơ/chè, bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít/vải, rệp muội/nhãn, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **27.5EC:** Sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/vải	Công ty TNHH Việt Thắng
55	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdcpenalduc 145EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
56	Abamectin 0.1g/kg, (5g/l), (2g/kg) + Fipronil 2.9g/kg, (50g/l), (798g/kg)	Michigane 3GR, 55SC, 800WG	**3GR, 800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **55SC:** sâu khoang/lạc	Cali - Parimex Inc.
57	Abamectin 17.5g/l (35g/l) + Fipronil 0.5g/l (1g/l)	Scorpion 18EC, 36EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; sâu khoang, rệp/thuốc lá; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông; bọ trĩ/điều	
58	Abamectin 15g/l + Fipronil 45g/l + Lambda-cyhalothrin 15g/l	Calitoc 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Cali - Parimex. Inc.
59	Abamectin 10g/l (10g/l), (10g/l), (10g/l), (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (128g/l) (148g/l) (168g/l), (25%)	Talor 10.8EC, 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP	**10.8EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
60	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	Bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
61	Abamectin 15g/l (30g/l) + Imidacloprid 90g/l (90g/l)	Nosauray 105EC, 120EC	**105EC:** rầy nâu/lúa **120EC:** sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
62	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
63	Abamectin 18.5g/l (37g/l), (63g/l), (90g/kg), (108g/kg) + Imidacloprid 1.5g/l (3g/l), (9g/l), (18g/kg), (27g/kg)	Vetsemex 20EC, 40EC, 72EC, 108WG, 135WG	**20EC, 40EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; sâu khoang, rệp/thuốc lá; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều **72EC:** Sâu cuốn lá/lúa **108WG:** Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **135WG:** Sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
64	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ

65	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
66	Abamectin 15g/l (15g/l) + Indoxacarb 50g/l (135g/l)	Sixsess 65EC, 150EC	**65EC:** Sâu cuốn lá/lúa **150EC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
67	Abamectin 36g/l + Indoxacarb 14g/l	Abacarb-HB 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
68	Abamectin 0.4% (9g/l), (15g/l), (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 1.6% (45g/l), (60g/l), (72g/kg)	Karatimec 2EC, 54EC, 75EC, 90WG	**2EC:** sâu xanh/lạc **54EC:** Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa **75EC:** Sâu cuốn lá/lúa **90WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
69	Abamectin 19g/l (38g/l), (9g/l), (48.5g/l), (18g/l), (36g/l) + Lambda-cyhalothrin 1g/l (2g/l), (27g/l) (1.5g/l), (32g/l), (39g/l)	Actamec 20EC, 40EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC	**20EC, 40EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; sâu khoang, rệp/thuốc lá; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều **36EC, 50EC(48.5g/l + 1.5g/l):** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **50EC (18g/l + 32g/l):** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa **75EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
70	Abamectin 30g/l + Lambda cyhalothrin 50g/l + Phoxim 19.9g/l	Bavella 99.9EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
71	Abamectin 30g/l (20g/l), (10g/kg), (18g/l), (10g/l), (1g/l), (20g/kg) + Lambda-	Kakasuper 85EC, 120EW, 130WP; 20EC,	**85EC, 120EW, 130WP:** Sâu cuốn lá/lúa **20EC, 41ME:** sâu cuốn lá/lúa **266SC, 421WP:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

	cyhalothrin 50g/l (50g/l), (100g/kg), (1g/l), (30g/l), (110g/l), (1g/kg) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (20g/kg), (1g/l), (1g/l), (155g/l), (400g/kg)	41ME, 266SC, 421WP		
72	Abamectin 0.2% (50g/l) + Matrine 2% (25g/l)	Abecyny 2.2EC, 75EC	**2.2EC:** bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh/cải bắp; rầy nâu/lúa; nhện đỏ/cam **75EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
73	Abamectin 1g/l (20g/l) + Matrine 5g/l (5g/l)	Ametrintox 6EC, 25EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông
		Luckyler 6EC, 25EC	Sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
74	Abamectin 20g/l + Matrine 5g/l	Aga 25EC	Sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/vải,	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

			nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/chè, cà phê; sâu khoang, rệp/thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều	
75	Abamectin 20g/l (56g/l) + Matrine 2g/l (2g/l)	Sudoku 22EC, 58EC	**22EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/nho; rầy chổng cánh/cam; bọ trĩ/điều; sâu đục quả/đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/vải **58EC:** nhện gié, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; nhện lông nhung, bọ xít/vải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu đũa; sâu tơ/cải xanh; sâu xanh/nho	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
76	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0EC	Bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
77	Abamectin 2.0% (4.3%), (5.4%) + Matrine 0.2% (0.2%), (0.2%)	Tramictin 2.2EC, 4.5EC, 5.6EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
78	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Matrine 1g/l (1.5g/l)	Newlitoc 36EC, 50EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
79	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Matrine 0.1g/l (0.2g/l), (0.2g/l)	Tinero 36.1EC, 42.2EC, 54.2EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

80	Abamectin 36g/l + Matrine 1g/l	Kendojapane 37EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
81	Abamectin 50g/l + Matrine 5g/l	Amara 55EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/cải xanh; sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/chè; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu đục quả/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài; mọt đục cành/cà phê; rệp sáp/hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
82	Abamectin 4g/l (1g/kg), (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (54g/kg), (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 5.5WG, 11.6WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
83	Abamectin 35g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
84	Abamectin 2% (40g/l) + Permethrin 7% (160g/l)	Dotimec 9EC, 200EC	**9EC:** sâu cuốn lá/lúa **200EC:** sâu cuốn lá, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
85	Abamectin 40g/l + Permethrin 150g/l	SBC-Thon Trang 190EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
86	Abamectin 20g/l + Petroleum oil 250g/l	Đầu trâu Bihopper 270EC	Nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
87	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/xoài; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Petis 24.5EC	Nhện đỏ/cây có múi	Công ty TNHH TM Tùng Dương

88	Abamectin 0.2% (0.5%) + Petroleum oil 24.3% (24.5%)	Soka 24.5EC, 25EC	**24.5EC:** sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam quýt, nhãn; nhện lông nhung/vải; sâu xanh/thuốc lá; sâu khoang/lạc; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng/cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/chè **25EC:** nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam, quýt; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng/bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/cam; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
89	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/lạc; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
90	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rầy bông/xoài; rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
91	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Tikrice 25EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy canh/chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
92	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi; rệp sáp/cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
93	Abamectin 0.3% (55g/l) + Petroleum oil 39.7% (5g/l)	Sword 40EC, 60EC	**40EC:** bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/lúa; dòi đục lá/cải bó xôi; bọ trĩ, bọ phấn/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp muội/cam **60EC:** nhện đỏ/vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

94	Abamectin 5g/l, (5g/l) + Petroleum oil 295g/l, (395g/l)	Aramectin 300EC, 400EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
95	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (342g/l), (464g/l)	Blutoc 250EC, 360EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
96	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (332g/l), (464g/l)	Sieulitoc 250EC, 350EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
97	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Newprojet 210EC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
98	Abamectin 18g/l + Pyridaben 150g/l	Aben 168EC	Nhện gié, rầy nâu/lúa; rệp/hồ tiêu; sâu hồng/bông vải; rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
99	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite - Sạch nhện 180EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
100	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	Sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
101	Abamectin 12g/l + Quinalphos 238g/l	Acpratin 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

102	Abamectin 20g/l + Spinosad 25g/l	Aterkil 45 SC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/hành; sâu khoang/lạc; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
103	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
104	Abamectin 36g/l + Thiamethoxam 72g/l	Solvigo® 108SC	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
105	Abamectin 10g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
106	Acephate (min 97%)	Anitox 50SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Ansect 72SP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Appenphate 75SP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Asataf 75SP	Sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH MTV Lucky
		Binhmor 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		BM Promax 75WP	Rầy nâu/lúa	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Lancer 50SP, 75SP, 97WG	**50SP:** sâu đục thân/lúa, rệp vảy/cà phê, sâu đục quả/đậu tương **75SP:** rệp vảy/cà phê, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **97WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Mace 75SP, 97SP	**75SP:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/thuốc lá; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH Adama Việt Nam

			97SP: sâu đục bẹ/lúa, sâu xanh/thuốc lá, bọ xít muỗi/điều	
		MO-annong 40SL, 75SP, 300SL	**40SL:** bọ xít/lúa **75SP, 300SL:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Monster 40EC, 75 WP	**40EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp cà phê; rệp/thuốc lá **75WP:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê, sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mytox 5GR, 40EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Orthene 75SP, 97Pellet	**75SP:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục thân/ngô; rệp sáp/cà phê **97Pellet:** rệp/thuốc lá	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Song hy 75SP	Sâu cuốn lá/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Viaphate 40EC, 75SP	**40EC:** sâu đục thân/lúa **75SP:** sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
107	Acephate 21% + Chlorpyrifos Ethyl 14%	Achony 35 WP	Sâu đục quả/đậu tương, sâu năn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
108	Acephate 50% + Imidacloprid 1.8%	Acemida 51.8 SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
109	Acetamiprid (min 97%)	Actatoc 150EC, 200WP, 200EC, 350EC	**150EC, 350EC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp bông xơ/mía **200EC:** rầy nâu/lúa **200WP:** rầy nâu/lúa; rệp bông xơ/mía; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Afeno 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Amender 200SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Amsipilan 20SP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Ascend 20 SP	Rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Cayman 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Daiwance 200SP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Domosphi 10SP, 20EC	**10SP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/đậu tương; rầy xanh/bông vải **20EC:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Google 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Hotray 200SL	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Melycit 20SP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/ca cao	Công ty CP Long Hiệp
		Mopride 20 WP	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Mosflannong 30EC, 200WP, 300WP, 300SC, 600WG	**30EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **200WP:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **300WP, 300SC, 600WG:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông

		Mospilan 3EC, 20SP	**3EC:** rệp sáp/cà phê, rầy xanh/bông vải, rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa **20SP:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Motsuper 36WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nired 3EC	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Otoxes 200SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Raysuper 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
		Sadamir 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sếu đỏ 3EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tosi 30WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BMC
		Uni-aceta 20SP	Rầy nâu/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
110	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
111	Acetamiprid 100g/kg + Buprofezin 150g/kg	Sieuray 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
112	Acetamiprid 10% + Buprofezin 15%	Uni-acetafezin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
113	Acetamiprid 15%, (170g/kg), (170g/kg) (170g/kg) + Buprofezin 35%, (380g/kg), (430g/kg) (480g/kg)	Asimo super 50WP, 550WP, 600WP, 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

114	Acetamiprid 150g/kg (200g/kg), (150g/kg) + Buprofezin 150g/kg, (200g/kg), (350g/kg)	Ba Đăng 300WP, 400WP, 500WP	**300WP:** rầy nâu/lúa, rệp muội/cà phê **400WP, 500WP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
115	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH ADC
116	Acetamiprid 20% (22%), (24%) + Buprofezin 20% (25%), (30%)	Khongray 40WP, 47WP, 54WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
117	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
118	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kital
		Everest 500WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
119	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
120	Acetamiprid 150 g/kg + Buprofezin 150 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 450g/kg	CLB-Thôn trang 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
121	Acetamiprid 200g/l + Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l	Chlorusa 750EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
122	Acetamiprid 40g/kg (10g/l), (1g/l), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 120g/kg (20g/l), (1g/l),	Chavez 170WP, 230EC, 512EC, 550EC, 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

	(50g/l), (200g/kg) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l), (510g/l), (450g/l), (100g/kg)			
123	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
124	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
125	Acetamiprid 100 g/kg (20g/kg), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 150 g/kg (20g/kg), (20g/l), (150g/kg) + Isoprocarb 50 g/kg (300g/kg), (300g/l), (150g/kg)	Chesone 300WP, 340WP, 370EC, 600WP	**300WP:** rầy nâu/lúa **340WP, 370EC, 600WP:** rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
126	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
127	Acetamiprid 3% + Cartap 92%	Hugo 95SP	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
128	Acetamiprid 50g/l (240g/kg), (100g/kg) (100g/l) + Chlorpyrifos ethyl 200g/l (10g/kg), (400g/kg), (550g/l)	Checsusa 250EC, 250WG, 500WP, 650EC	**250EC:** Rệp sáp/cà phê **250WG:** Rệp bông xơ/mía **500WP:** Sâu đục thân, rầy nâu/lúa **650EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
129	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Nicopro 20EC	Sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex

130	Acetamiprid 30g/l+ Chlorpyrifos Ethyl 495g/l	Megashield 525EC	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
131	Acetamiprid 200 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg	Mopride rubi 500WP	Rệp sáp/cà phê ; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
132	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
133	Acetamiprid 200g/l + Chlorpyrifos ethyl 500g/l	Fivtoc super 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
134	Acetamiprid 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 260g/l + Fenobucarb 306g/l	Politoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
135	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Xojapane 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
136	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
137	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojotino 350WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP NN HP
138	Acetamiprid 50g/l + Fenobucarb 350g/l	Jara 400EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
139	Acetamiprid 5% + Fipronil 5%	Supper Chipusa 10EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
140	Acetamiprid 0.1g/kg, (0.2g/l), (20g/kg) + Fipronil 2.9 g/kg, (49.8g/l) (780g/kg)	Dogent 3GR, 50SC, 800WG	**3GR, 50SC, 800WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **3GR:** sâu khoang/lạc **50SC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

141	Acetamiprid 5g/l (10g/kg), (280g/kg), (100g/kg), (20g/kg) + Fipronil 10g/l (20g/kg), (20g/kg), (300g/kg), (800g/kg)	Redpolo 15EC, 30WP, 300WP, 400WG, 820WG	**15EC, 30WP, 820WG:** sâu cuốn lá/lúa **300WP:** rầy nâu/lúa **400WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
142	Acetamiprid 50g/l + Fipronil 50g/l	Amibest 100ME	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
143	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	**5EC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **50SC, 50WP, 50WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
144	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
145	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Qui Nhơn
146	Acetamiprid 100g/kg (125g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (125g/kg), (200g/kg)	Mã lục 150WP, 250WP, 400WP	**150WP, 400WP:** rầy nâu, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê **250WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
147	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
148	Acetamiprid 100g/l + Imidacloprid 55g/l	Nongiahy 155SL	Rệp sáp/cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
149	Acetamiprid 150 g/kg , (150g/kg), (150g/kg)+ Imidacloprid 200g/kg (250g/kg), (350g/kg)	Setusa 350WP, 400WP, 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

150	Acetamiprid 25% (20%) + Imidacloprid 8% (16%)	Caymangold 33WP, 36WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
151	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	Rầy nâu/Lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
152	Acetamiprid 80g/l + Novaluron 100g/l	Cormoran 180EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
153	Acetamiprid 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Apazin-HB 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
154	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg), (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg), (300g/kg)	Secso 500WP, 700WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
155	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
156	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
157	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	Rầy nâu/lúa, rệp bông xơ/mía	Công ty CP Nông dược Việt Nam
158	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
159	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600 WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
160	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin)700g/kg	Goldan 750 WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

161	Alpha-cypermethrin (min 90%)	Ace 5EC	Sâu phao/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Alfacua 10EC	Sâu đục bẹ/lúa, bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê, sâu khoang/lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Alfathrin 5EC	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Alpha 5EC, 10EC, 10SC	**5EC:** sâu cuốn lá, cua/lúa **10EC:** sâu khoang/lạc **10SC:** kiến/cà phê, sâu khoang/lạc, bọ trĩ/lúa, bọ xít muỗi/điều	Map Pacific PTE Ltd
		Alphacide 50EC, 100EC, 170EC, 260EC	**50EC:** sâu cuốn lá, bọ xít/lúa **100EC:** bọ xít/lúa **170EC, 260EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Altach 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/lạc	Công ty CP Nông dược HAI
		Anphatox 2.5EC, 5EC, 25EW, 50EW, 100SC	**2.5EC:** sâu đục thân/lúa **5EC:** sâu khoang/lạc, bọ xít/lúa **25EW, 50EW:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp muội/đậu tương; sâu đục quả/cà phê **100SC:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Antaphos 25EC, 50EC, 100EC	**25EC:** sâu cuốn lá/lúa **50EC:** sâu keo, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương **100EC:** sâu đục quả/cà phê, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bestox 5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp/đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG

		Bpalatox 25EC, 50EC, 100EC	**25EC:** bọ trĩ/lúa **50EC:** sâu cuốn lá/lúa **100EC:** sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Caterice 5EC	Bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Cyper-Alpha 5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Dantox 5EC	Bọ trĩ/lúa, sâu xanh/bông vải, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fastac 5EC	Bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/lúa; rệp/cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fascist 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Fastocid 5EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/khoai lang; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Fastphos 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fentac 2.0EC	Sâu đục quả/đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
		FM-Tox 25EC, 50EC, 100EC	**25EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều **50EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê **100EC:** sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fortac 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Forward International Ltd
		Fortox 25EC, 50EC, 100EC	**25EC, 50EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương

		Motox 2.5EC, 5EC, 10EC	**2.5EC:** bọ xít, bọ trĩ/lúa; kiến, rệp sáp/cà phê; rệp/đậu tương **5EC:** bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/đậu xanh **10EC:** rệp/bông vải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pertox 5EC, 100EW, 250EW, 250WP	**5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **100EW, 250EW, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pytax-s 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Sapen-Alpha 5EC	Sâu hồng/bông vải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, bọ xít/lúa cạn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supertox 25EC, 50EC, 100EC	**50EC:** sâu đục thân/lúa **25EC, 100EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Thanatox 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Việt Nam
		Tiper-Alpha 5EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Unitox 5EC	Bọ xít/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vifast 5EC, 10 SC	**5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ xít muỗi/điều **10SC:** bọ xít/lúa; mối/cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
162	Alpha-cypermethrin 30g/l (50g/kg) + Buprofezin 100g/l (200g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (500g/kg)	Soddy 430EC, 750WP	**430EC:** rầy nâu/lúa **750WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông

163	Alpha-cypermethrin 100g/l (50g/kg) + Chlorfluazuron 10g/l (20g/kg) + Fipronil 50g/l (200g/kg)	Kalou 160EW, 270WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
164	Alpha-cypermethrin 120g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Cupvang 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
165	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfenapyr 90g/l + Indoxacarb 110g/l	Extrausa 300SE	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
166	Alpha - cypermethrin 1% (2%), (1.6%) + Chlorpyrifos Ethyl 16% (38%), (65%)	Apphe 17EC, 40EC, 666EC	**17EC:** sâu đục thân/lúa, ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục quả/bông vải **40EC:** sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa, mối/cao su **666EC:** sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
167	Alpha-cypermethrin 20g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 230g/l (460g/l)	Supertac 250EC, 500EC	**250EC:** sâu khoang/lạc **500EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
168	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Fitoc 550EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
169	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/kg), (50g/l), (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 25g/l, (500g/kg), (600g/l), (700g/l)	VK.sudan 75EC, 550WP, 650EC, 750EC	**75EC:** Bọ trĩ/lúa **550WP:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê **650EC:** Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê **750EC:** Rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

170	Alpha-cypermethrin 2% + Chlorpyrifos Ethyl 38%	Careman 40EC	Mọt đục cành/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
171	Alpha-cypermethrin 300g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Light 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
172	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l	Marvel 570EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
173	Alpha-cypermethrin 40g/l (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (410g/l), (437g/l) + Dimethoate 226g/l, (297g/l), (300g/l)	Bowing 666EC, 747EC, 777EC	**666EC:** Sâu đục thân/ngô **747EC:** rệp sáp/cà phê **777EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
174	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 482g/l + Emamectin benzoate 18g/l	Agritoc 550EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Filitox super 550EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
175	Alpha-cypermethrin 40g/l, (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l, (410g/l), (420g/l) + Fenobucarb 210g/l, (250g/l), (260g/l)	Rocketasia 650EC, 700EC, 720EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
176	Alpha-cypermethrin 55g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l + Fenobucarb 311g/l	Pictoc 666EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
177	Alpha-cypermethrin 30g/l (25g/l), (60g/kg) +	Spaceloft 300EC, 595EC,	**300EC:** Bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông

	Chlorpyrifos Ethyl 220g/l (565g/l), (440g/kg) + Imidacloprid 50g/l (5g/l), (100g/kg)	600WP	**595EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; mọt đục cành/cà phê **600WP:** Rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	
178	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l (545g/l) + Indoxacarb 30g/l (5g/l)	Vitashield gold 600EC	**600EC (50g/l + 520g/l + 30g/l):** Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê **600EC (50g/l + 545g/l + 5g/l):** Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; nhện gié, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ phấn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
179	Alpha-cypermethrin 66g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Quinalphos 200g/l	Picmec 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
180	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Thiamethoxam 30g/l	Hiddink 630EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
181	Alpha-cypermethrin 10g/l (15g/l), (20g/l) + Dimethoate 140g/l (185g/l), (280g/l)	Cyfitox 150EC, 200EC, 300EC	**150EC, 200EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **300EC:** rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; rệp/mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
182	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
183	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	**80EW, 85GR, 370WP:** rầy lưng trắng/lúa **530EC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

184	Alpha-cypermethrin 100g/l (150g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 150g/l (300g/kg)	Sieublack 350SC, 750WP	**350SC:** sâu đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê **750WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
185	Alpha-cypermethrin 1%, (75g/kg) + Fipronil 9% (150g/kg) + Indoxacarb 20% (75g/kg)	Acmastersuper 30WP, 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
186	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	Bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
187	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
188	Alpha-cypermethrin 50g/l + Permethrin 5g/l + Profenofos 30g/l	Ktedo 85EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
189	Alpha-cypermethrin 50g/l (100g/l), (100g/l), (30g/l) + Phoxim 45g/l (30g/l), (100g/l), 400g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW, 200EC, 430EC	**95EC:** Bọ trĩ/lúa **130EW, 200EC:** Sâu cuốn lá/lúa **430EC:** Sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
190	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa, sâu xanh/đậu tương, rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
191	Alpha-cypermethrin 30g/l (30g/l) + Profenofos 270g/l (570g/l)	Actatac 300EC, 600EC	**300EC:** sâu đục thân/lúa **600EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
192	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

193	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
194	Amino acid	Amino 15SL	Rầy nâu/lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
195	Amitraz (min 97%)	Binhtac 20EC	Nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Mitac 20EC	Nhện gié/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
196	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	Nhện gié/lúa	Map Pacific PTe Ltd
197	Annonin (min 95%)	TT-Anonin1EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
198	Artemisinin	Visit 5EC	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/rau; rầy xanh/chè; rệp muội, bọ trĩ/cây có múi	Công ty CP PAC
199	Azadirachtin	Agiaza 0.03EC, 4.5EC	**0.03EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ, rầy xanh/chè; rệp sáp/na; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/rau cải; nhện đỏ/ớt; rệp/cà **4.5EC:** sâu xanh/cải xanh; sâu đục quả, nhện đỏ/ớt; sâu tơ/bắp cải; rệp sáp/thuốc lá; nhện đỏ/hoa hồng; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp/cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rệp sáp/na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Altivi 0.3EC	Sâu tơ, sâu xanh/rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex
		Aza 0.15EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê

		A-Z annong 0.15EC, 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	**0.15EC:** rầy nâu, cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam; rệp muội/thuốc lá; rệp sáp/cà phê. **0.3EC:** sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/cải bông, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam; rệp muội/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/cà chua **0.6EC, 0.9EC:** bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/cam; rệp đào/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Bio Azadi 0.3SL	Bọ trĩ/nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
		Boaza 0.3EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
		Cittioke 0.6EC, 0.9EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua	Eastchem Co., Ltd.
		Goldgun 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ; sâu xanh/cà chua, đậu tương; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Hoaneem 0.15EC, 0.3EC	Sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/bưởi	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Jasper 0.3EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải xanh, nhện đỏ/cây có múi, rầy bông/nho, rệp/thuốc lá, rầy xanh/chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kozomi 0.15EC, 0.3EC,	**0.15EC:** bọ nhảy/bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

		1EC	**0.3EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/cà phê; rệp đào/thuốc lá; sâu vẽ bùa/bưởi; rầy xanh/xoài **1EC:** rệp đào/thuốc lá; rầy xanh/xoài; sâu đục quả/đậu đỗ; rầy xanh chè	
		Minup 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	**0.3EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam; rệp đào/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/cà chua **0.6EC, 0.9EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, đậu tương; sâu xanh/cà chua; rệp đào/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
		Misec 1.0EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
		Mothian 0.35EC	Sâu tơ/bắp cải, rau cải, súp lơ, su hào; sâu khoang/rau dền, mồng tơi, rau muống; sâu đục quả/cà tím, ớt, đậu côve; bọ nhảy/cải thảo; nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
		Neem Nim Xoan Xanh green 0.15EC, 0.3EC	**0.15EC:** ruồi đục lá/cải bó xôi, rệp sáp/cà phê, bọ cánh tơ/chè **0.3EC:** ruồi đục lá/cải bó xôi, rệp sáp/cà phê, bọ cánh tơ/chè, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/cải bông, tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
		Sarkozy 0.3EC, 1EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		Sokotin 0.3EC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Super Fitoc 10EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Trutat 0.32EC	Sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Vineem 1500EC	Rệp/cải thảo; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
200	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg + Emamectin benzoate 5.5g/kg	Mig 18 207WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
201	Azadirachtin 7g/l, (9g/l) + Emamectin benzoate 7.5g/l, (9g/l)	Ramec 15EC, 18EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
202	Azadirachtin 0.1g/l (0.1g/l), (0.2g/l) , (0.1g/kg), (0.1 g/kg), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/kg), (0.1g/l)	Emacinmec 10.1EC, 20.1EC, 40.2EC, 55SG, 70SG, 75SC,	**10.1EC, 20.1EC, 40.2EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ/bắp cải; rầy xanh/chè; rệp bông/xoài; nhện đỏ/cam **55SG, 80EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

	(0.1g/kg), (0.1g/kg) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (40g/l), (54.9g/kg), (69.9g/kg), (74.9g/l), (79.9g/l), (102.9g/kg), (62.9g/l), (177.9g/kg), (199.9g/kg)	80EC, 103SG, 63EC, 178SG, 200SG	**63EC:** rầy bông/xoài **70SG, 75SC:** Sâu tơ/bắp cải **103SG:** rầy nâu/lúa **178SG:** bọ cánh tơ/chè **200SG:** sâu vẽ bùa/cam	
203	Azadirachtin 3g/l (3g/kg), (3g/l), (3g/kg), (3g/kg) + Emamectin benzoate 22g/l (52g/kg), (52g/l), (62g/kg), (97g/kg)	Promathion 25EC, 55WG, 55EC, 65WG, 100WG	**25EC:** nhện đỏ/cam **25EC, 55WG:** Sâu xanh/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải **55EC:** Sâu tơ/bắp cải **65WG, 100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
204	Azadirachtin 1 g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
205	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	Sâu khoang/lạc	Kital Ltd.
206	Azadirachtin 3g/l + Matrine 2g/l	Lambada 5EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/hành; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
207	Azadirachtin 5g/l + Matrine 4g/l	Golmec 9EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
208	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1EC	Sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/chè; bọ nhảy/cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

209	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
210	Azocyclotin (min 98%)	Qualityjapane 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
211	Azocyclotin 150g/l (450g/kg) + Buprofezin 60g/l (250g/kg) + Diflubenzuron 150g/l (50g/kg)	Usagtox 360SC, 750WP	**360SC:** Nhện gié/lúa **750WP:** Nhện đỏ/cà phê; sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
212	Azocyclotin 100g/l, (600g/kg), (200g/kg) + Flonicamid 260g/l, (100g/kg), (550g/kg)	Autopro 360SC, 700WP, 750WP	**360SC, 750WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa **700WP:** nhện gié/lúa, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH An Nông
213	Azocyclotin 150g/l (300g/kg) + Spiromesifen (min 97%) (200g/l), 400g/kg	Trextot 350SC, 700WP	**350SC:** nhện gié/lúa **700WP:** nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
214	*Bacillus thuringiensis* var. aizawai	Aizabin WP	Sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu cuốn lá/lạc; sâu khoang, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/cà chua; sâu cuốn lá/cây có múi; sâu xanh, sâu khoang/thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Aztron WG 35000 DMB U	Sâu tơ/cải bắp; sâu xanh da láng/cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/cải xanh; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu đục quả/hồng xiêm, xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
		Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu đũa	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Map-Biti WP 50000 IU/mg	Sâu xanh, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/rau cải, dưa hấu; sâu xanh/cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific PTE Ltd

		Xentari 35WG	Sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/nho	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
215	*Bacillus thuringiensis* var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Biobit 16 WP, 32WP	Sâu xanh/bắp cải, sâu xanh/bông vải	Forward International Ltd
		Biocin 16 WP, 8000 SC	**16WP:** sâu tơ/rau cải, sâu xanh da láng/lạc **8000SC:** sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/đậu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Baolus 50000 IU/mg WP	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Bicilus 18WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH King Elong
		Comazol (16000 IU/mg) WP	Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty CP Nicotex
		Crymax ® 35 WP	Sâu tơ/bắp cải	Cali - Parimex. Inc.
		Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/rau cải; sâu đo/đậu đũa; sâu xanh/cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/vải; sâu xanh da láng/lạc; sâu khoang, sâu xanh/bắp cải; sâu róm/thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dipel 6.4WG	Sâu tơ/bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/chè	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Forwabit 16 WP, 32WP	Sâu xanh/bắp cải, sâu ăn lá/bông vải	Forward International Ltd
		Halt 5% WP (32000 IU/mg)	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh

		Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	**15WG:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải bắp **(50000 IU/mg)WP:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU/mg	Sâu tơ, sâu bướm trắng/bắp cải	Bion Tech Inc.
		MVP 10 FS	Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải	Cali - Parimex. Inc.
		Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (32000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	Sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu xanh/cà chua	Công ty TNHH An Nông
		Shian 32 WP (3200 IU/mg)	Sâu tơ/rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Thuricide HP, OF 36 BIU	**HP:** sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh/hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/vải, cà chua; sâu xanh da láng/lạc; sâu róm/thông **OF 36BIU:** sâu xanh, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh/hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/vải; sâu xanh da láng/lạc; sâu róm/thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vbtusa (16000 IU/mg) WP	Sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam; sâu róm/thông; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vi - BT 16000WP, 32000WP	**16000WP:** sâu ăn lá/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **32000WP:** sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		V.K 16 WP, 32 WP	Sâu xanh/bông vải, sâu tơ/rau	Công ty CP BVTV I TW

216	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10^8 PIB	Bitadin WP	Sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/rau; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu róm/thông; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH Nông Sinh
217	*Bacillus thuringiensis* var. kurstaki 1.6% + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	Bọ phấn, dòi đục lá/cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/hành; dòi đục lá, nhện đỏ/dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV Lucly
218	*Bacillus thuringiensis*. var. 7216	Amatic (10^{10} bào tử/ml) SC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Pethian (4000 IU) SC	Sâu tơ/su hào; sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
219	*Bacillus thuringiensis* var. T 36	TP-Thần tốc 16.000 IU	Sâu đục thân/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu xanh/cà chua	Công ty TNHH Thành Phương
220	*Beauveria bassiana* Vuill	Biovip 1.5 x 10^9 bào tử/g	Rầy, bọ xít/lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
		Muskardin 10WP	Sâu đục thân/lúa, ngô; sâu xanh da láng/cà chua, rầy nâu/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
221	*Beauveria bassiana* 1x10^9 bào tử/g + *Metarhizium anizopliae* 0.5 x 10^9 bào tử/g	Trắng xanh WP	Rầy nâu/lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
222	Bensultap (min 98%)	Pretiny 95WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
223	Beta-cypermethrin (min 98.0 %)	Chix 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam

		Daphatox 35EC	Sâu keo, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Nicyper 4.5EC	Sâu xanh/đậu xanh, rệp vẩy/cà phê, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
224	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (200g/l), (10g/kg) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (10g/l), (300g/kg)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC, 310WP	**100EC:** sâu đục thân/lúa **120WP:** Sâu cuốn lá/lúa **210SC, 310WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
225	Beta-cypermethrin 70g/l + Chlorpyrifos ethyl 480g/l	Superfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
226	Beta-cypermethrin 36g/l + Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Quinalphos 205g/l	Wofamec 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP QT Hòa Bình
227	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
228	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	Akulagold 260 EW, 275SC, 420WP, 570EC	**260EW, 420WP:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê **275SC:** rầy lưng trắng/lúa **570EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
229	Benfuracarb (min 92 %)	Fucarb 20EC	Tuyến trùng/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oncol 5GR, 20EC, 25WP	**5GR:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp vảy, tuyến trùng/cà phê	Arysta LifeScience Vietnam

			20EC, 25WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp vảy, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Co., Ltd
230	Bifenthrin (min 97%)	Talstar 10EC	Sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương, bọ xít muỗi/điều	FMC Agricultural Products Interational AG
231	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
232	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Galil 300SC	Nhện gié, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
233	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	Sâu xanh da láng/lạc, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
234	Buprofezin (min 98 %)	Annongaplau 100WP, 250WP, 250SC, 400SC, 400WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Anproud 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Aperlaur 100WP, 250WP, 500EC, 500WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Apolo 10WP, 25WP, 25SC, 40WP	**10WP, 25SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **25WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, rầy/xoài **40WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Applaud 10WP, 25SC, 25WP	**10WP:** rầy/lúa, rầy xanh/chè **25SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cam **25WP:** rầy nâu/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.

		Asmai 100WP, 250WP, 350WP, 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bolo 25SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Bombi 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Bush 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Butal 10 WP, 25WP	**10WP:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê, xoài; rầy chổng cánh/cây có múi; bọ xít muỗi/điều **25WP:** rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; rệp sáp/xoài, cà phê; bọ xít muỗi/điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Butyl 10WP, 40WG, 400SC	**10WP:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **40WG:** rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng/lúa **400SC:** rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Difluent 10WP, 25WP	**10WP:** rầy nâu/lúa **25WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Encofezin 10WP, 25WP	**10WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/chè **25WP:** rầy nâu /lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Hello 250WP, 500WP, 700WG	**250WP:** rầy nâu/lúa; rệp, rầy bông/xoài; rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rệp sáp/cà phê; rầy chổng cánh/cam **500WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, na; rầy chổng cánh/cam **700WG:** Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rệp sáp/cà phê, rệp sáp/cam, rệp muội/dưa hấu, bọ xít muỗi/điều, rầy xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Lobby 10WP, 25WP	**10WP:** rầy nâu/lúa **25WP:** rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Map-Judo 25 WP, 800WP	**25WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cam **800WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Oneplaw 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Pajero 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Partin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Profezin 10WP, 250WP, 400SC	**10WP, 250WP:** Rầy nâu/lúa **400SC:** Bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Ranadi 10 WP, 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sấm sét 25WP, 400SC	**25WP:** rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài **400SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Shadevil 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV SNY
		Thần công 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Tiffy Super 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tiksun 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Uni-prozin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)

		Viappla 10WP, 25WP	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
235	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Nanofos 600EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
236	Buprofezin 10% + Chlorpyrifos Ethyl 40%	Abm 50EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
237	Buprofezin 100g/l (100g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (400g/kg)	Penalty gold 50EC, 50WP	**50EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít, sâu đục thân, nhện gié, rầy phấn trắng/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê **50WP:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH ADC
238	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 455g/l	Proact 555EC	Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục quả, rệp muội/đậu tương; sâu đục quả, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
239	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bonus-gold 500EC	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
240	Buprofezin 100g/l (150g/l), (150g/l), (150g/l) + Chlorpyrifos ethyl 400g/l (500g/l), (550g/l), (600g/l)	B52-Usa 500EC, 650EC, 700EC, 750EC	**500EC:** Sâu cuốn lá/lúa **650EC:** Rầy nâu/lúa **700EC:** Sâu đục thân/lúa **750EC:** Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
241	Buprofezin 25% (150g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 5% (400g/l)	U30-Thôn trang 30WP, 55EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
242	Buprofezin 250g/l + Chlorpyrifos ethyl 450g/l	Towtoc 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
243	Buprofezin 280g/kg, (100/kg), (300g/kg). (250g/l), (250g/l) + Chlorpyrifos ethyl 300g/kg	Dragoncin 595WP, 600WP, 625WP, 666EC, 777EC	**595WP, 625WP:** Rầy nâu/lúa **666EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **777EC, 600WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

	(400g/kg), (300g/kg), (400g/l), (510g/l) + Dinotefuran 15g/kg (100g/kg), (25g/kg), (16g/l), (17g/l)			
244	Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 200g/l	Nanosynusa 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
245	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Nanora super 700EC	Rầy nâu, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
246	Buprofezin 120g/l + Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Fipronil 35g/l	Saguaro 635EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Winter 635EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH ADC
247	Buprofezin 200g/kg (90g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg (400g/l) + Imidacloprid 200g/kg (10g/l)	Bamper 450WP, 500EC	**450WP:** Rầy nâu/lúa **500EC:** Sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
248	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Clacostusa 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
249	Buprofezin 200g/kg (150g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 100g/kg (150g/kg)	Himlam 600WP, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

250	Buprofezin 400 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Imidacloprid 40g/kg	Federo 740WP	Rầy nâu/lúa	Eastchem Co., Ltd
251	Buprofezin 22% + Chlorpyrifos Ethyl 5% + Imidacloprid 3%	Maraton 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
252	Buprofezin 90g/l (120g/l), (300g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 300g/l (460g/l) (400g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/l (20g/l), (50g/kg)	Topple 420EC, 600EC, 750WP	**420EC:** Sâu đục thân/lúa **600EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa **750WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
253	Buprofezin 100g/kg (160g/kg), (160g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 200g/kg (206g/kg) (210g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (320g/kg), (330g/kg)	Tresbacmy 600WP, 686WG, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
254	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l	Supergun 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
255	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
256	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Sundat (S) Pte Ltd
257	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Season 450SC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH TM DV XNK Đức Thành

258	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
259	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	Rầy nâu/lúa, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH ADC
260	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
261	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Lotoshine 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Party 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Raynanusa 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
262	Buprofezin 155g/kg, 180g/kg (210g/kg), (250g/kg) + Dinotefuran 150g/kg, 193g/kg (208g/kg), (208g/kg) + Imidacloprid 145g/kg, 195g/kg (190g/kg), (200g/kg)	Bluecat 450WP, 568WG, 608WP, 658WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM Đầu tư Bắc Mỹ
263	Buprofezin 20g/l (54.5g/l), (250g/kg), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (0.5g/l), (10g/kg), (10g/kg) + Isoprocarb 60g/l (400g/l), (200g/kg), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 455EC, 460WP, 500WP	**81EW:** bọ trĩ/lúa **455EC:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **460WP, 500WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

264	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20 %	Applaud-Bas 27 WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
265	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
266	Buprofezin 5 g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80 g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
267	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	Rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê; rệp/đậu xanh; sâu xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
268	Buprofezin 100g/kg (120g/kg), (10g/l), (1g/l) (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/kg), (10g/l), (511g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (10g/kg), (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 120WP, 140WP, 370SC, 513EC, 550EC	**120WP, 550EC:** Rầy lưng trắng/lúa **140WP, 370SC, 513EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
269	Buprofezin 100g/kg (20g/l), (50g/kg), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l) (1g/kg), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (1g/l), (250g/kg), (30g/l)	Buccas 120WP, 221EC, 301WP, 550EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
270	Buprofenzin 250g/kg + Fipronil 50g/kg	Lugens top 300WP	Rệp sáp/cà phê; bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông

271	Buprofezin 20g/l (125.5g/kg), (20g/kg), (230g/kg) + Fipronil 20g/l (0.5g/kg), (100g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 5g/l (40g/kg), (100g/kg), (500g/kg)	Fidanone 45EW, 166WP, 220WP, 760WG	**45EW, 220WP:** Sâu cuốn lá/lúa **166WP, 760WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
272	Buprofezin 6.7%, (40%) + Imidacloprid 3.3% (10%)	Gold Tress 10WP, 50WP	**10WP:** rầy nâu/lúa **50WP:** rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
273	Buprofezin 6.7% (22%) + Imdacloprid 3.3% (17%)	Thần Công Gold 10WP, 39WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
274	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Imiprid 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
275	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai
		Uni-prozindor 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
276	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thanh Điền
277	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Cytoc 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Shepatoc 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
278	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

279	Buprofezin 195 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
280	Buprofezin 250 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
281	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Imburad 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
282	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	Rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
283	Buprofezin 250g/kg (300g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (100g/kg)	Babsax 300WP, 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
284	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
285	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
286	Buprofezin 22.5% (20g/kg), (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 2.5% (100g/kg), (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 25WP, 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	**25WP, 250EC, 400SC, 750WG:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa **120WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
287	Buprofezin 90g/kg (20g/l), (50g/l), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 20g/kg (1g/l), (50g/l), (20g/kg), (300g/kg) + Isoprocarb 100g/kg (300g/l), (350g/l), (410g/kg), (100g/kg)	Topogold 210WP, 321EC, 450EC, 450WP, 600WP	**450EC, 600WP:** Rầy nâu/lúa **210WP, 321EC, 450WP:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

288	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Iltersuper 380SC, 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
289	Buprofezin 105g/kg, (190g/kg), (18g/kg), (150g/kg), (6g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 40g/kg, (18g/kg), (191g/kg), (150g/kg), (5g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Thiosultap-sodium 40g/kg, (38g/kg), (38g/kg), (50g/kg), (429g/kg), (710g/kg), (400 g/kg)	Actaone 185WP, 246WP, 247WP, 350WG, 440WP, 750WP	**185WP, 350WG:** rầy nâu/lúa **246WP, 247WP:** Rầy nâu, bọ trĩ/lúa **440WP:** sâu cuốn lá/lúa **750WP:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
290	Buprofezin 5.0% + Isoprocarb 20.0 %	Applaud-Mipc 25SP	Rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Jabara 25WP	Rầy nâu/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
291	Buprofezin 50g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Apromip 25WP	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
292	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Superista 25EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

293	Buprofezin 350g/kg (200g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (500g/kg)	Goldcheck 680WP, 750WP	**680WP:** Nhện gié, rầy nâu/lúa **750WP:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
294	Buprofezin 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Pytrozin 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
295	Buprofezin 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
296	Buprofezin 150g/kg (200g/kg), (50g/kg), (20g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (200g/kg), (500g/kg), (780g/kg)	Chesgold 170WP, 400WP, 550WG, 800WP	**170WP, 550WG:** rầy nâu/lúa **400WP, 800WP:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
297	Buprofezin 200g/kg (50g/kg), (1g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg), (520g/kg)	Topchest 400WP, 550WG, 521WG	**400WP, 521WG:** Rầy nâu/lúa **550WG:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
298	Buprofezin 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biggun 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
299	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
300	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
301	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

302	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
303	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
304	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5 %	Jia-ray 15WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Quada 15WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
305	Buprofezin 250g/kg (450g/kg) + Tebufenpyrad (min 98%) 350g/kg (250g/kg)	Newtime 600WP, 700WP	**600WP:** Nhện gié/lúa **700WP:** nhện gié/lúa, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH An Nông
306	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
307	Buprofezin 269g/kg (449g/kg), (499g/l), (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/kg (1g/kg), (1g/l), (450g/kg)	Aplougent 270WP, 450WP, 450SC, 500WP	**270WP, 450WP, 450SC:** rầy nâu/lúa **500WP:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
308	Carbaryl (min 99.0%)	Carbavin 85 WP	Rầy/hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85 WP	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forvin 85 WP	Sâu đục thân/lúa	Forward International Ltd

		Saivina 430 SC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85 SP	Rầy nâu/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
309	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20 SC	**3GR:** sâu đục thân/ngô, tuyến trùng/cà phê **20SC:** sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Amitage 200EC	Rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Coral 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân/lúa **200SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	**5GR:** tuyến trùng/mía **200SC:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 3GR, 5GR, 200SC	**3GR:** sâu đục thân/mía; sâu đục thân, rầy nâu/lúa **5GR:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; tuyến trùng/cà phê **200SC:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp, ve sầu/cà phê	FMC Agricultural Products Interational AG
		Vifu-super 5 GR	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ngô, mía; sùng đất/mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
310	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; sâu xanh láng/lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

311	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l + Fipronil 50g/l	Sulfaron gold 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
312	Carbosulfan 200g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bop 600EC	Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/lúa; sâu đục cành, sâu đục thân/điều	Công ty TNHH ADC
313	Carbosulfan 200g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l	Sappro 500EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
314	Cartap (min 97%)	Badannong 4GR, 10GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/lúa **10GR:** sâu đục thân/lúa, mía **95SP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Bazan 5GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95 SP	Sâu đục thân/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 100GR, 500SP, 950SP	**50GR, 100GR, 500SP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **950SP:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Gà nòi 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/lúa **95SP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ledan 4GR, 10 GR, 95SP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Longkick 50SP	Sâu đục thân/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95 SP	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex

		Padan 4GR, 50SP, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa **50SP:** sâu đục thân/lúa, ngô, mía **95SP:** sâu đục thân/mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 50SP, 95SP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục thân/mía	Công ty CP BVTV I TW
		Supertar 950 SP	Bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 50GR, 95SP, 100GR, 500SP	**4GR:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50GR, 100GR, 500SP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa **95SP:** sâu đục thân lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
315	Cartap 470 g/kg + Imidacloprid 30 g/kg	Abagent 500WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
316	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
317	Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Wofagent 500WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
318	Celastrus angulatus	Agilatus 1EC	Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/chè; rệp sáp/cam; sâu đục quả/vải; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; nhện đỏ/ớt; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

		Emnus 1EC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/chè; dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
319	Chlorantraniliprole (min 93%)	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	**0.4GR:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá,sâu đục thân/lúa **5SC:** dòi đục lá/cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/dưa hấu, sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương, hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhảy/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, sâu đục thân mình hồng/mía **35WG:** sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	DuPont Vietnam Ltd
320	Chlorantraniliprole 20%, (100g/l) + Thiamethoxam 20%, (200g/l)	Virtako® 40WG, 300SC	**40WG:** Rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu đục thân/ngô **300SC:** sâu xám/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
321	Chlorfenapyr (min 94%)	Alex 50WG	**20SC:** nhện gié/lúa **50WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Chlorferan 240SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/điều; nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Danthick 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
		Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH BMC
		Secure 10EC, 10SC	**10EC:** sâu xanh da láng/đậu đỗ lấy hạt, sâu cuốn lá/lúa **10SC:** sâu xanh da láng/lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sender 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Solo 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	**25EC:** Rầy lưng trắng/lúa **110SC:** Sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Yamato 25EC, 110SC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
322	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Bugatteegold 120SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
323	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
324	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
325	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	sâu xanh da láng/lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
326	Chlorfenapyr 25g/l + Fenpropathrin 110g/l	Ikander 135EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
327	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/hoa cúc, nhện đỏ/hoa hồng, Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Lumina 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
328	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
329	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông Việt

330	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
331	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
332	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
333	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
334	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette 50EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atabron 5EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Atannong 50EC, 50SC	**50EC:** sâu phao/lúa **50SC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5EC	Sâu xanh/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
335	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
336	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	**600WP:** sâu đục thân/lúa **600EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
337	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông

338	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
339	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	Rầy nâu, sâu đục thân, rầy lưng trắng/lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH TM Tân Thành
340	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
341	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
342	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l), (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/l), (40g/kg)	Director 70EC, 140EC, 140WP	**70EC:** Sâu tơ/bắp cải, nhện đỏ/ớt, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/hoa lay ơn **140EC, 140WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
343	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (30g/l)	Ammeri 80EC, 150EC	**80EC:** Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa **150EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
344	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	**140WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140WP:** Nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140SC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
345	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Cabala 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
346	Chlorfluazuron 200g/l (230g/l), (260g/l), (175g/kg) + Emamectin benzoate 30g/l (30g/l), (40g/l), (40g/kg) + Fipronil 70g/l (90g/l), (100g/l), (300g/kg)	VetuJapane 300SC, 350SC, 400SC, 515WP	**300SC:** Sâu đục thân/lúa, sâu xanh/đậu tương **350SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/đậu tương **400SC:** Sâu đục thân/lúa **515WP:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

347	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 40g/l + Fipronil 160g/l	Nofet 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
348	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	**200SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **300EC:** Sâu cuốn lá/úa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiên Giang
349	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 250g/l	TT Bux 400SC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô, lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vk.Suking 400EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
350	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 200g/l	Hero super 350EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
351	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Dofachip 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Request 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
352	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 175g/l	Usamec 275EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

353	Chlorfluazuron 0.2g/kg, (100g/l), (200g/kg)+ Fipronil 9.7g/kg, (160g/l), (320g/kg)	Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	**9.9GR:** rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/lúa **260EC:** Rầy phấn trắng, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh/lạc, **520WP:** Rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu xanh/lạc	Công ty TNHH ADC
354	Chlorfluazuron 110g/l (200g/l), (250g/l), (200g/kg) + Fipronil 175g/l (100g/l) (100g/l), (325g/kg)	Schiepusamy 285EC, 300SC, 350SC, 525WP	**285EC, 300SC, 350SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **525WP:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
355	Chlorfluazuron 100g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 100g/l (250g/kg)	Goodtrix 300SC, 750WP	**300SC:** Sâu cuốn lá/lúa **750WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
356	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxys 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
357	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
358	Chlorfluazuron 70g/l + Indoxacarb 150g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
359	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
360	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

361	Chlorfluazuron 200g/kg (300g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/kg (50g/kg)+ Nitenpyram 500g/kg (430g/kg)	Onecheck 750WP, 780WP	**750WP:** Rầy nâu/lúa **780WP:** Sâu xanh da láng/đậu tương; sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
362	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
363	Chlorfluazuron 5g/l (93g/l), (10g/l), (220g/kg), (100g/l), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (1g/l), (10g/kg), (350g/l), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (1g/l), (264g/l), (200g/kg), (50g/l), (1g/l)	Bakari 86EW, 95EW, 275SC, 430WP, 500EC, 512EC	**86EW:** bọ trĩ/lúa **275SC:** rầy nâu/lúa **430WP, 95EW:** sâu cuốn lá/lúa **512EC, 500EC:** Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
364	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Alocbale 40EC	sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Anboom 40EC, 48EC	**40EC:** rệp sáp/cà phê, mối/điều; sâu đục ngọn/điều; rệp sáp/sắn **48EC:** Mọt đục cành/cà phê, sâu đục ngọn/điều, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa, rệp sáp/ca cao, hồ tiêu; sâu đục quả/ca cao; rệp sáp/cà phê, sắn; rệp bông xơ trắng/mía	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Arusa 480EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông

		Bonus 40EC	Rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
		Bullet 48EC	Sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Chlorban 20EC, 48EC	**20EC:** sâu cuốn lá/lúa **48EC:** rệp sáp/cà phê; sâu xanh/bông vải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Forfox 5GR, 250EC, 400EC, 650EC	**5GR:** Sâu xám, sâu đục thân/ngô **250EC, 400EC:** sâu khoang/lạc **650EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Genotox 48EC, 55.5EC	**48EC:** sâu xanh da láng/đậu tương **55.5EC:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh/lạc, đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
		Hoban 30EC, 500EC	**30EC:** sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **500EC:** bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Lora 10GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Lorsban 15GR, 30EC, 40EC, 75WG	**15GR:** sâu đục thân lúa; sâu đục thân, sâu đục bắp/ngô **30EC:** sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương, lạc; rệp sáp/cà phê **40EC:** mối/cao su, hồ tiêu; rệp sáp/cà phê **75WG:** sâu đục thân/lúa	Dow AgroSciences B.V
		Mapy 48EC	Rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân/ngô, mọt đục cành/cà phê; sâu đục thân/lúa; mọt đục quả/cà phê	Map Pacific PTE Ltd

		Maryfos 680EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Maxfos 50EC	Rệp sáp/cà phê, sâu khoang/lạc, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Minifos 480EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV SNY
		Mondeo 40EC, 60EC	**40EC:** sâu đục thân/lúa, sâu khoang/lạc **60EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Noviphos 48EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông Việt
		Nycap 15GR, 48EC	**15GR:** rệp sáp rễ/cà phê **48EC:** sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục bắp/ngô; mối/hồ tiêu; sâu đục dây/khoai lang	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H
		Pyrinex 20EC, 480EC	**20EC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/lúa; xử lý đất, xử lý hạt giống; rệp sáp/phê **480EC:** sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Pyritox 200EC, 400EC, 480EC	**200EC, 400EC:** sâu phao đục bẹ/lúa; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục hoa/đậu tương; mọt đục cành/cà phê **480EC:** rệp vảy/cà phê, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông

		Sambar 480EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP SAM
		Sanpyriphos 20EC, 48EC	**20EC:** sâu đục thân/lúa **48EC:** sâu khoang/lạc	Forward International Ltd
		Sargent 6GR	Sâu đục thân/lúa, mía; rầy nâu/lúa; mối, ve sầu/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieu Sao E 500WP	Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Termicide 40EC	Rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Tricel 20EC, 48EC	**20EC:** sâu xanh/đậu tương **48EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Excel Crop Care Limited
		Tipho-sieu 15GR, 400EC	**15GR:** Sâu đục thân/lúa **400EC:** sâu cuốn lá/đậu tương; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Virofos 20EC, 50EC	**20EC:** sâu xanh da láng/đậu tương; mối/cao su, cà phê **50EC:** Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitashield 18EC, 40EC	**18EC:** sâu đục thân/lúa **40EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
365	Chlorpyrifos ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo

366	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 275EC, 500EC, 750EC	**275EC:** sâu đục bẹ/lúa **500EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục ngọn/điều, bọ hà/khoai lang, sâu đục quả/cà phê **750EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
367	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V
368	Chlorpyrifos Ethyl 42% (515g/l), (505g/l), (510g/l) + Cypermethrin 8% (80g/l), 200g/l), (250g/l)	Triceny 50EC, 595EC, 705EC, 760EC	**50EC:** sâu đục quả/đậu tương; sâu phao đục bẹ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê **595EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê **705EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê **760EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân,sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
369	Chlorpyrifos Ethyl 35% (50%), (550g/l)+ Cypermethrin 5% (10%), (150g/l)	Docytox 40EC, 60EC, 700EC	**40EC:** sâu đục thân/ngô **60EC:** sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê **700EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
370	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (580g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l)	Aseld 450EC, 680EC	**450EC:** rệp sáp/cà phê, sâu xanh/lạc **680EC:** rệp sáp/cà phê, sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
371	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l (530g/l) + 45.9g/l (50g/l) Cypermethrin	Subside 505EC, 585EC	**505EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/cà phê **585EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
372	Chlorpyrifos Ethyl 45.9% + Cypermethrin 4.59%	Bintang 50.49EC	Sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
373	Chlorpyrifos Ethyl 45g/l (100g/l), (200g/l), (400g/kg), (500g/l),	Cadicone 95EC, 200EC, 400EC, 450WP,	**95EC:** Bọ trĩ/lúa **200EC, 400EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

	(600g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l), (200g/l), (50g/kg), (60g/l), (60g/l)	560EC, 660EC	**560EC, 450WP:** Sâu đục thân/lúa **660EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	
374	Chlorpyrifos Ethyl 25% (50%), (55%) + Cypermethrin 5% (5%), (5%)	Tungcydan 30EC, 55EC, 60EC	**30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu xanh; sâu róm/điều; bọ trĩ, sâu đục ngọn/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô **55EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/thuốc lá; sâu đục thân/ngô; sâu róm, sâu đục thân/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/lúa; mọt đục cành, sâu đục thân, rệp sáp/cà phê **60EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; mọt đục cành/cà phê; sâu ăn lá/khoai lang; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu đục thân, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp, rệp muội/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
375	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l (530g/l) + Cypermethrin 50g/l (55g/l)	Victory 300EC, 585EC	**300EC:** Rệp/mía **585EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
376	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	Sâu đục quả/đậu tương, sâu róm/điều, rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, mối/hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
377	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	God 550EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Baconco

		Supraxong 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Wusso 550EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BMC
378	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l) + Cypermethrin 50g/l (200g/l)	Lion super 550EC, 750EC	**550EC:** Sâu đục thân/lúa **750EC:** Rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH P-H
379	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l) + Cypermethrin 50g/l (85g/l), (100g/l), (277g/l)	Serpal super 550EC, 585EC, 600EC, 777EC	**550EC:** Rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa **585EC:** Rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa **600EC:** Rệp sáp/cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **777EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
380	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l), (560g/l) + Cypermethrin 200g/l (227g/l), (239g/l)	Đại Bàng Đỏ 700EC, 777EC, 799EC	**700EC:** sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa **777EC:** rầy nâu/lúa **799EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
381	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l), (500g/l), (650g/l), (650g/l), (650g/l) + Cypermethrin 55g/l (105), (150g/l), (205g/l), (250g/l), (130g/l) (150g/l), (200g/l)	Pertrang 55.5EC, 605EC, 650EC, 705EC, 750EC, 780EC, 800EC, 850EC	**55.5EC:** sâu đục thân/ngô **605EC, 650EC, 705EC, 750EC:** sâu đục bẹ/lúa **780EC, 800EC, 850EC:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
382	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/kg) + Cypermethrin 200g/l (200g/kg)	Tadagon 700EC, 700WP	**700EC:** Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành

			700WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	
383	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l (590g/l) + Cypermethrin 55g/l (110g/l)	Dragoannong 585EC, 700EC	**585EC:** Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/đậu xanh **700EC:** Sâu xanh da láng/đậu xanh; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
384	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 50g/l	Ogau 580EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
385	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55g/l	Ca - hero 585EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Dragon 585EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa cạn; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/lạc; rầy nâu/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tigishield 585EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
386	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (500g/l) + Cypermethrin 55g/l (100g/l)	Wavotox 585EC, 600EC	**585EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê **600EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
387	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
388	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 60g/l	Rầy usa 560EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
389	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Futai

390	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Jia-cyfos 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
391	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 15%	Laxytox 70EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
392	Chlorpyrifos ethyl 450g/l + Cypermethrin 50g/l	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
393	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
394	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
395	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
396	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 100g/l	HD-Alzozin 650EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
397	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 55g/l	Domectin 605EC	Sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	PT. Sari Kresna Kimia
398	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt.VN
399	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	Rầy nâu, sâu năn/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, bọ trĩ/điều, sâu đục thân/ngô, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
400	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
401	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky

402	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Fenpropathrin 100g/l	Rago 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóc Môn
403	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin 100g/l + Fipronil 20g/l	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
404	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
405	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
406	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
407	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
408	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (10g/l), (10g/l), (100g/kg), 100g/l, (5g/l), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (30g/l), (150g/l), (25g/kg), (25g/l), (40g/l), (40g/l)+ Phoxim 20g/kg (55g/l), (40g/l), (100g/kg), (10g/l), (400g/l), (26g/l)	Cygold 60GR, 95EC, 200EC, 225WP, 225EC, 445EC, 666EC	**60GR, 445EC, 666EC:** Sâu đục thân/lúa **95EC:** Bọ trĩ/lúa **200EC:** Sâu cuốn lá/lúa **225EC:** rệp sáp/cà phê **225WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

409	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Sanafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
410	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
411	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Dimethoat 185g/l	Cantona 555EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
412	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
413	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Wince 600EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
414	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Emamectin benzoate 25g/l + Fenobucarb 341g/l	Japenra 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
415	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
416	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Etofenprox 200g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
417	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5 GR	Sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

418	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Fenobucarb 300g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
419	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (250g/l) + Fenobucarb 400g/l (500g/l)	Babsac 600EC, 750EC	**600EC:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp muội/cà phê; sâu róm/điều **750EC:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp muội/cà phê; sâu róm/điều	Công ty TNHH Việt Thắng
420	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300g/l	Fenfos 650EC	Mọt đục cành/cà phê; bọ trĩ/thuốc lá; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
421	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Fenobucarb 100g/l	Redphos 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
422	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fenobucarb 350g/l	Super Kill Plus 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
423	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l + Imidacloprid 80g/l	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
424	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + 26g/l Lambda-cyhalothrin	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty Cổ phần Quốc tế Hòa Bình
425	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
426	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	**3GR:** Rầy nâu/lúa; rệp sáp rễ/hồ tiêu, cà phê; bọ hà/khoai lang; sâu đục thân/ngô, mía **330EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, mọt đục quả, mọt đục cành/cà phê; bọ xít muỗi/điều; mối/tiêu;sâu xám/ngô	Công ty CP Nông dược HAI

427	Chlorpyrifos Ethyl 545g/l + Fipronil 50g/l	Megaphos 595EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
428	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
429	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	**5GR:** rệp sáp/hồ tiêu, rầy nâu/lúa, sâu đục thân/lúa; ve sầu, mối/cà phê **66WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê **250EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô; sâu đục quả/bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
430	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro-per 250EC, 600EC, 600WP	**250EC:** sâu cuốn lá/lúa **600EC, 600WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
431	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (420g/kg), (570g/l) + Imidacloprid 50g/l (57.77g/kg), (25g/l)	Usagrago 250EC, 477.77WP, 595EC	**250EC:** sâu cuốn lá/lúa **477.77WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa **595EC:** Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
432	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 70g/l	Dizorin super 55EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
433	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Imchlorad 350EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
434	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 20g/l	Duca 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
435	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Repny 12GR, 65WP, 600EC	**12GR:** sâu đục thân/lúa **65WP:** rệp sáp/cà phê, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **600EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

436	Chlorpyrifos Ethyl 490g/l + Imidacloprid 105g/l	Osakajapane 595EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
437	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidaclorprid 50g/l	Topol 450EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH hóa chất NN Quốc tế
438	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Imidacloprid 150 g/kg	Raymore 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
439	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + Lambda-cyhalothrin 45g/kg	Ragonmy 555WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lan Anh
440	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda- cyhalothrin 30g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Forter 630WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
441	Chlorpyrifos ethyl 220g/l (524g/l) + Imidacloprid 40g/l (40.5g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (30.5g/l)	Sory 310EC, 595EC	**310EC:** Sâu đục thân/lúa **595EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
442	Chlorpyrifos ethyl 675g/l + Indoxacarb 25g/l	Indophos 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
443	Chlorpyrifos Ethyl 235g/l (475g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l)	Monofos 250EC, 500EC	Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
444	Chlorpyrifos Ethyl 240g/l (480g/l) + Lambda-cyhalothrin 10g/l (20g/l)	Pyrifdaaic 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
445	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	Rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

446	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
447	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH SX & NK Bàn Tay Việt
448	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda-cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
449	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Pros 450EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
450	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Shepemec 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
451	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Newmethrin 585EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
452	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	Bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
453	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	Sâu xanh da láng/đậu tương; rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông Việt
454	Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg, (100g/kg), (500g/l), (500g/kg) + Permethrin 10g/kg, (20g/kg), (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	**6GR:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/cà phê **12GR:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/cà phê, mối/cà phê **600WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **600EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
455	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Big one 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang

456	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	Rầy nâu, rầy nâu nhỏ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
457	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
458	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l)	Schesyntop 500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC	**500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC:** rầy nâu/lúa **666EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
459	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
460	Chlorpyrifos ethyl 375g/l + Sulfoxaflor 37.5g/l	Laser 412.5 SE	Sâu đục thân/lúa	Dow AgroSciences B.V
461	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Thiamethoxam 150g/l	Dago 400SE	Rầy nâu/lúa	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
462	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
463	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3 GR, 7.5EC, 40EC	**3GR:** sâu đục thân/ngô **7.5EC:** sâu cuốn lá/ngô **40EC:** sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago - Super 3 GR, 20EC	**3GR:** sâu đục thân/lúa, ve sầu/cà phê, sâu đục bắp/ngô **20EC:** rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	Sâu vẽ bùa/cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu tương; rệp, rệp sáp, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50EC	Bọ xít/lúa; rệp sáp/cam; sâu đục ngọn/xoài; sâu đục gân lá/nhãn; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/dưa hấu	Map Pacific PTE Ltd

464	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	Sâu cuốn lá/lúa	Map Pacific Pte Ltd
465	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	Rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
466	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
467	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	Nhện đỏ/đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
468	Chromafenozide (min 91%)	Phares 50SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sojitz Corporation
		Hakigold 50SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn
469	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
470	Clinoptilolite	Map Logic 90WP	Tuyến trùng/lúa, cam, hồ tiêu, thanh long, cà phê, tuyến trùng/cà chua	Map Pacific Pte Ltd
471	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
472	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16 SG, 0.5GR, 20SC, 50WG	**16SG:** rầy nâu/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, dòi đục lá/cà chua, rầy xanh/chè, sâu vẽ bùa/cam **0.5GR, 20SC, 50WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Thunderan 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông

(Xem tiếp Công báo số 447 + 448)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng